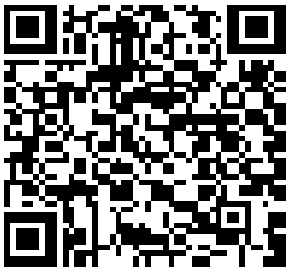


**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 11 NGÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Kèm theo Thông báo số 24/TB-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của UBND xã Hùng An)

| TT         | Mã số TTHC                                                             | Tên TTHC                                                                                                                                                                            | Số ngày giải quyết | Quyết định công bố TTHC, DVC của Bộ, ngành                                                                                                                                                                                                                     | Mã QR TTHC                                                                            |
|------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                                      | 3                                                                                                                                                                                   | 4                  | 5                                                                                                                                                                                                                                                              | 6                                                                                     |
| <b>A</b>   | <b>NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 48 TTHC.</b>                       |                                                                                                                                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực: Nông nghiệp (01 thủ tục)</b>                              |                                                                                                                                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |
| 1          | 5.002088                                                               | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã).                                                                                                                                 | 60 ngày            | Quyết định số 1597/QĐ-BNNMT ngày 23/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                           |    |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực: Quản lý dê điều và Phòng chống thiên tai (03 thủ tục)</b> |                                                                                                                                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |
| 2          | 1.010091                                                               | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội                           | 11 ngày            | - Quyết định số 379/QĐ-bNNmT ngày 12/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2302/qĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 3          | 1.010092                                                               | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội | 14 ngày            |                                                                                                                                                                                                                                                                |  |
| 4          | 2.002162                                                               | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh                                                                                                                            |                    | Quyết định số 379/QĐ-bNnMT ngày 12/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                            |                                                                                       |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Thủy lợi (07 thủ tục)</b>                                 |                                                                                                                                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                       |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | 1.003440 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                                                                    | 20 ngày | Quyết định số 843/QĐ-bNnMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |    |
| 6  | 1.003446 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                          | 20 ngày |                                                                                                                                                                      |    |
| 7  | 2.001621 | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện) | 7 ngày  | Quyết định số 843/QĐ-bNnMT ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |    |
| 8  | 1.013768 | Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp                                                                                                                                                     | 20 ngày | Quyết định số 2305/QĐ-bNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 9  | 1.003347 | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã                                                                                                                                             | 20 ngày |                                                                                                                                                                      |  |
| 10 | 2.001627 | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp                                                                                                               | 20 ngày |                                                                                                                                                                      |  |

|                                             |          |                                                                                                               |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|---------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 11                                          | 1.003471 | Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã | 10 ngày | Quyết định số 2305/QĐ-bNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>IV Lĩnh vực: Trồng trọt (01 thủ tục)</b> |          |                                                                                                               |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 12                                          | 1.008004 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa                                                      | 5 ngày  | Quyết định số 1000/QĐ-bNnMT ngày 22/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                |    |
| <b>V Lĩnh vực: Giảm nghèo (05 thủ tục)</b>  |          |                                                                                                               |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 13                                          | 1.011607 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hàng năm                                                        | 15 ngày | Quyết định số 967/QĐ-bNnMT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |   |
| 14                                          | 1.011608 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm                                            | 15 ngày |                                                                                                                                                                      |  |
| 15                                          | 1.011609 | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình                    | 15 ngày |                                                                                                                                                                      |  |
| 16                                          | 3.000412 | Công nhận người lao động có thu nhập thấp                                                                     | 15 ngày |                                                                                                                                                                      |  |

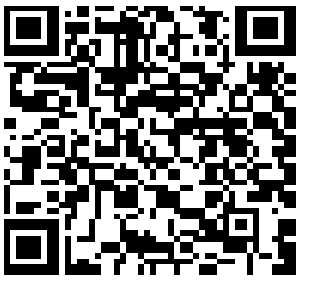
|             |                                                                       |                                                                                       |          |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 17          | 1.011606                                                              | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm | 115 ngày | Quyết định số 2306/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>VI</b>   | <b>Lĩnh vực: Môi trường (01 thủ tục)</b>                              |                                                                                       |          |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 18          | 1.010736                                                              | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường                                           | 15 ngày  | Quyết định số 973/QĐ-BNnMT ngày 18/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |    |
| <b>VII</b>  | <b>Lĩnh vực: Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (01 thủ tục)</b> |                                                                                       |          |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 19          | 1.004082                                                              | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (cấp xã)                      | 3 ngày   | Quyết định số 696/QĐ-BNnMT ngày 08/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang            |  |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực: Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (01 thủ tục)</b> |                                                                                       |          |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 20          | 1.003434                                                              | Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)                                                        | 18 ngày  | Quyết định số 2299/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                            |  |
| <b>IX</b>   | <b>Lĩnh vực: Chăn nuôi (02 thủ tục)</b>                               |                                                                                       |          |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |

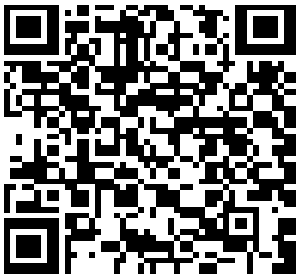
|    |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |                                                                                                                                                                         |                                                                                       |
|----|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | 1.012836                       | Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, gang tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) | 20 ngày    | Quyết định số 2303/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                   |     |
| 22 | 1.012837                       | Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo      | 40 ngày    |                                                                                                                                                                         |    |
| X  | Lĩnh vực: Đất đai (15 thủ tục) |                                                                                                                                                                                                                                                                              |            |                                                                                                                                                                         |                                                                                       |
| 23 | 1.012812                       | Hòa giải tranh chấp đất đai                                                                                                                                                                                                                                                  | 30 ngày    | Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 24 | 1.012818                       | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi                                                                              | 25-35 ngày | Quyết định số 2304/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;                                                                                  |  |
| 25 | 1.012817                       | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01/7/2004                                                                                                                                                                       | 20-30 ngày |                                                                                                                                                                         |  |

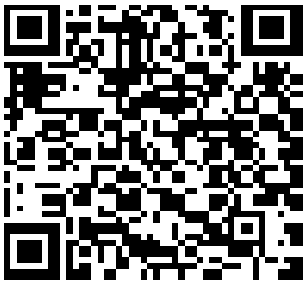
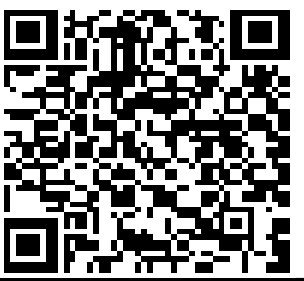
|    |                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                               |                         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|----|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | 1.012796                                                             | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót                                                                                                                                                                                                                          | 08-18 ngày              | Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                        |    |
| 27 | 1.012753                                                             | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất                                                                                                              | 20-30 ngày              |                                                                                                                                                                      |    |
| 28 | 1.012771<br>1.012773<br>1.012774<br>1.012775<br>1.012779<br>1.012792 | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư    | 15-25 ngày              | Quyết định số 2304/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |                                                                                       |
| 29 | 1.012776                                                             | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc | 15-25 ngày              | Quyết định số 629/QĐ-bNnMt ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang            |                                                                                       |
| 30 | 1.013952<br>1.013826                                                 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư                                               | 5-15 ngày<br>15-25 ngày | Quyết định số 2304/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |                                                                                                                                                                                                                                        |  |
|----|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| 31 | 1.012778             | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và sổ | 7 ngày     | Quyết định số 629/QĐ-bNnMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND                                        |  |
| 32 | 1.012780             | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên       | 35 ngày    | Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND                                        |  |
| 33 | 1.012814<br>1.012754 | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài                                                | 20 ngày    | Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                   |  |
| 34 | 1.012816             | Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận                                                                                                                  | 10-20 ngày | Quyết định số 629/QĐ-bNNmT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh |  |
| 35 | 1.012810             | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích                                                                                                                                                                                     | 15-25 ngày | Quyết định số 629/QĐ-bNNmT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Quyết định số 2304/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh |  |

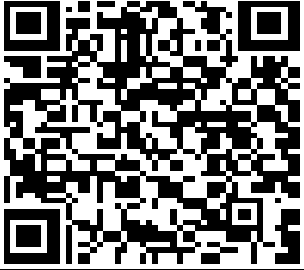
|            |                                        |                                                                                                                    |            |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 36         | 1.012811                               | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã                                            | 45-60 ngày | 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                       |                                                                                       |
| 37         | 1.012807                               | Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư     | 15-25 ngày | Quyết định số 2304/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang            |                                                                                       |
| <b>XI</b>  | <b>Lĩnh vực: Thủy sản (02 thủ tục)</b> |                                                                                                                    |            |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 38         | 1.004498                               | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | 35 ngày    | Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 39         | 1.003956                               | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)                                      | 35 ngày    | Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>XII</b> | <b>Lĩnh vực: Thú y (01 thủ tục)</b>    |                                                                                                                    |            |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |

|             |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|-------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 40          | 2.0001262                                            | Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)                                                                                                                  |         | Quyết định số 2313/QĐ-BNnMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |                                                                                       |
| <b>XIII</b> | <b>Lĩnh vực: Lâm nghiệp và Kiểm lâm (06 thủ tục)</b> |                                                                                                                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 41          | 1.012694                                             | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân                                                                                                                                                         | 12 ngày | Quyết định số 2261/QĐ-BNnMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 42          | 3.000250                                             | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái | 15 ngày |                                                                                                                                                                      |   |
| 43          | 1.007919                                             | Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công                                                                                            | 9 ngày  | Quyết định số 2261/QĐ-BNnMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 44          | 1.012922                                             | Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng                                                                                                                                                | 5 ngày  | Quyết định số 2405/QĐ-BNnMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;                                                                               |  |

|     |                                          |                                                                                                                                   |           |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|-----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 45  | 1.012531                                 | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân                                                 | 20 ngày   | Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                        |    |
| 46  | 1.011471                                 | Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã | 7-10 ngày | Quyết định số 2391/QĐ-BNnMT ngày 27/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| XIV | Lĩnh vực: Tài nguyên nước (01 thủ tục)   |                                                                                                                                   |           |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 47  | 1.001662                                 | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất                                                                                          | 8 ngày    | Quyết định số 2301/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| XV  | Lĩnh vực: Kiểm Lâm (01 thủ tục)          |                                                                                                                                   |           |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 48  | 1.012695                                 | Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng                                     | 20 ngày   | Quyết định số 1215/QĐ-BNnMT ngày 29/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| B   | NGÀNH CÔNG THƯƠNG: 18 TTHC               |                                                                                                                                   |           |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| I   | Lĩnh vực: An toàn đập, hồ chứa thủy điện |                                                                                                                                   |           |                                                                                                                                                                      |                                                                                       |

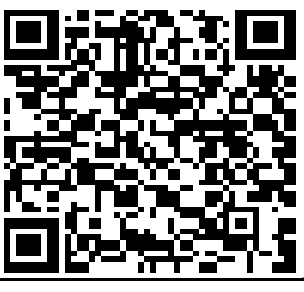
|     |                                                   |                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                              |                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2.000206                                          | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã | 20 ngày | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |    |
| 2   | 2.001384                                          | Phê duyệt phương án cấm mọc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện                                                                     | 25 ngày | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |    |
| II  | <b>Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</b> |                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                              |                                                                                       |
| 3   | 2.002620                                          | Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên                                                       | 0 ngày  | - Quyết định số 2017/QĐ-BCT ngày 31/7/2024 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| III | <b>Lĩnh vực: Kinh doanh khí</b>                   |                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                              |                                                                                       |
| 4   | 2.001283                                          | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.                                                                                     | 15 ngày | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |  |
| 5   | 2.001270                                          | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai.                                                                                 | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |  |

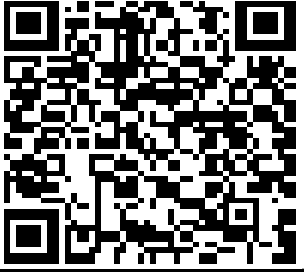
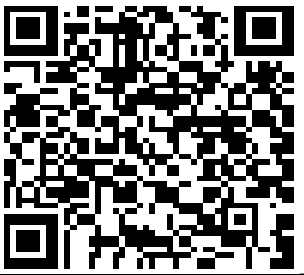
|                                                   |          |                                                                                 |         |                                                                                                                                            |                                                                                       |
|---------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 6                                                 | 2.001261 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai            | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>IV Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa trong nước</b> |          |                                                                                 |         |                                                                                                                                            |                                                                                       |
| 7                                                 | 2.000633 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.                  | 10 ngày | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 8                                                 | 1.001279 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.              | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 9                                                 | 2.000629 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh. | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 10                                                | 2.000620 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.                                                      | 10 ngày | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 11                                                | 2.001240 | Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.                                              | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 12                                                | 2.000615 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu.                                     | 7 ngày  | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

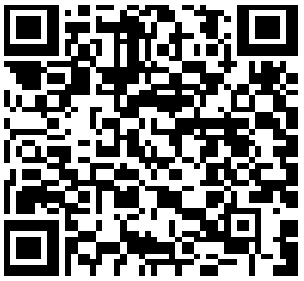
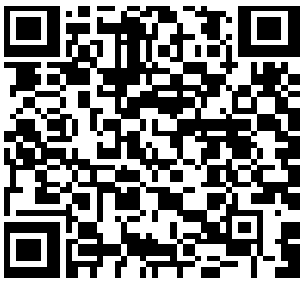
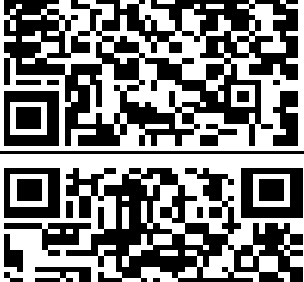
|           |                                                                               |                                                                     |                       |                                                                                                                                            |                                                                                       |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 13        | 2.000181                                                                      | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                              | 15 ngày               | Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 14        | 2.000162                                                                      | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá             | 15 ngày               | Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 15        | 2.000150                                                                      | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                          | 15 ngày               | Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực: Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý</b>       |                                                                     |                       |                                                                                                                                            |                                                                                       |
| 16        | 1.012568                                                                      | Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ cho cấp xã quản lý                 | 60 ngày               | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 17        | 1.012569                                                                      | Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ                                 | 30-45 ngày            | Quyết định số 1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực: Công nghiệp địa phương</b>                                       |                                                                     |                       |                                                                                                                                            |                                                                                       |
| 18        | 2.002096                                                                      | Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã | Không quy định cụ thể | Quyết định số 1781/QĐ-BCT ngày 23/6/2025 của Bộ Công Thương; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>C</b>  | <b>NGÀNH TÀI CHÍNH: 44 TTHC</b>                                               |                                                                     |                       |                                                                                                                                            |                                                                                       |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực: Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước</b> |                                                                     |                       |                                                                                                                                            |                                                                                       |

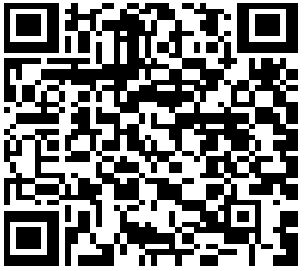
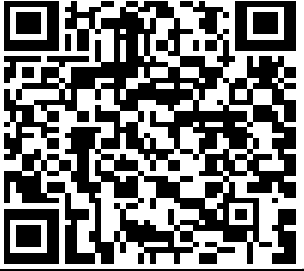
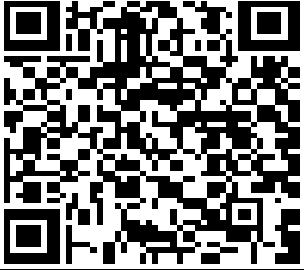
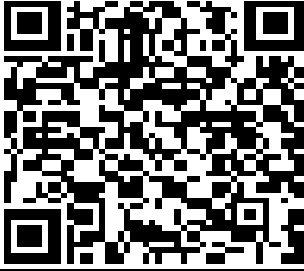
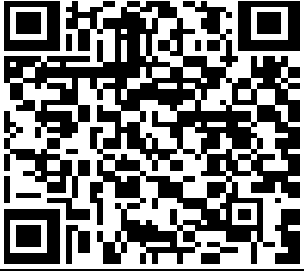
|            |                                    |                                                                                                                     |         |                                                                                                                                                    |                                                                                       |
|------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | 1.008603                           | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải                                                  | 10 ngày | Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 2          | 1.013040                           | Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải                                                            | 40 ngày | Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực: Quản lý công sản</b>  |                                                                                                                     |         |                                                                                                                                                    |                                                                                       |
| 3          | 3.000410                           | Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế                                     | 29 ngày | Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |   |
| 4          | 3.000327                           | Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                                                               | 60 ngày | Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |
| 5          | 3.000326                           | Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại | 30 ngày | Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |
| 6          | 3.000325                           | Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi                                             | 60 ngày | Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Tài chính đất đai</b> |                                                                                                                     |         |                                                                                                                                                    |                                                                                       |

|                                                              |          |                                                                                                   |                                                        |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 7                                                            | 1.012994 | Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư                                                 | 30 ngày                                                | Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>IV Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b> |          |                                                                                                   |                                                        |                                                                                                                                          |                                                                                       |
| 8                                                            | 1.001612 | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                   | 3 ngày                                                 | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 9                                                            | 2.000720 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                   | 03 ngày                                                | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 10                                                           | 1.001570 | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh           | 1 ngày                                                 | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 11                                                           | 1.001266 | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                  | 5 ngày                                                 | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 12                                                           | 2.000575 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | 01 ngày cấp lại;<br>05 ngày cấp đổi sang ngành KD khác | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|          |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                            |                                                           |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 13       | 1.014034                                                                          | Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                           | 01 ngày<br>cập nhật<br>BS; 03<br>ngày<br>hiệu<br>chỉnh TT | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 14       | 1.014035                                                                          | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                                               | 03 ngày                                                   | Quyết định số 2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>V</b> | <b>Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp</b> |                                                                                                                                                                                                                            |                                                           |                                                                                                                                          |                                                                                       |
| 15       | 2.002635                                                                          | Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp                            | 03 ngày                                                   | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 16       | 2.002636                                                                          | Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo | 03 ngày                                                   | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 17       | 2.002637                                                                          | Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023  | 03 ngày                                                   | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 18       | 2.002638                                                                          | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy                                                                                                                                     | 03 ngày                                                   | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                                                                |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 | 2.002639 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác                                   | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 20 | 2.002640 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác                      | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 21 | 2.002641 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 22 | 2.002642 | Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác                                                  | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 23 | 2.002643 | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 24 | 2.002644 | Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác                                      | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                                                                                                                                                       |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 25 | 2.002645 | Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                      | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 26 | 2.002646 | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài                                                                                                              | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 27 | 2.002648 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                       | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 28 | 2.002649 | Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                            | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 29 | 2.002650 | Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 30 | 1.005280 | Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 31 | 2.002123 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh                                                                                        | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

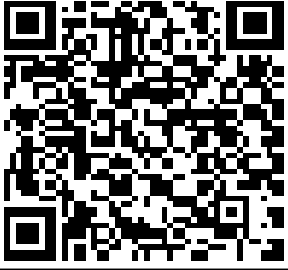
|    |          |                                                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|----|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | 1.005277 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập                      | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 33 | 1.004901 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                              | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 34 | 1.004979 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập                     | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 35 | 2.001958 | Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                                                                                 | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 36 | 1.005378 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                       | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 37 | 1.005377 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh                                      | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 38 | 2.001973 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

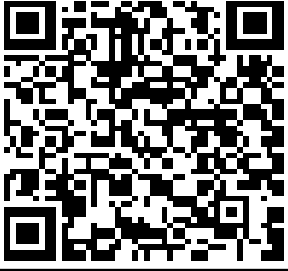
|            |                                                        |                                                                                                            |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
|------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 39         | 1.004982                                               | Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                                          | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 40         | 1.005010                                               | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã | 03 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>VI</b>  | <b>Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác</b> |                                                                                                            |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
| 41         | 2.002226                                               | Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác                                                                    | 0 ngày  | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 42         | 2.002228                                               | Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác                                                                | 0 ngày  | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 43         | 2.002668                                               | Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã                                    | 10 ngày | Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực: Bảo hiểm</b>                              |                                                                                                            |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
| 44         | 1.005412                                               | Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp                                                   | 45 ngày | Quyết định số 2194/QĐ-BTC ngày 27/6/2025 của Bộ Tài chính; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>D</b>   | <b>NGÀNH XÂY DỰNG</b>                                  |                                                                                                            |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc</b>         |                                                                                                            |         |                                                                                                                                          |                                                                                       |

|                                                    |          |                                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                            |                                                                                       |
|----------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                  | 1.008456 | Cung cấp thông tin quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã                                                                                                           |            | Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |                                                                                       |
| 2                                                  | 1.008455 | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện                                                                                            | 15 ngày    | Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17/6/2020 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |    |
| 3                                                  | 1.003141 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện       | 15-20 ngày | Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 4                                                  | 1.002662 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | 15-20 ngày | Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| <b>II Lĩnh vực: Hàng hải và Đường thủy nội địa</b> |          |                                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                            |                                                                                       |
| 5                                                  | 1.003930 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                             | 02 ngày    | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |  |
| 6                                                  | 1.003970 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                                 | 02 ngày    | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |  |
| 7                                                  | 1.004002 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện                                               | 02 ngày    | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |  |

|    |          |                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | 1.004036 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa                                                  | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 9  | 1.004047 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                 | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 10 | 1.004088 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa                                                                                 | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 11 | 1.006391 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp huyện khác | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 12 | 2.001659 | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện                                                                                                                                | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 13 | 2.001711 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật                                                                                  | 02 ngày | Quyết định số 902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 14 | 1.009465 | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông                                                                                                                        | 05 ngày | Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | 2.001215 | Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu                                                                                                                                                             | 03 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 16 | 2.001214 | Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                                                 | 03 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 17 | 2.001212 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                             | 03 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 18 | 2.001211 | Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước                                                                                                                                                                 | 02 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 19 | 2.001217 | Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát | 02 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 20 | 2.001218 | Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát | 05 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

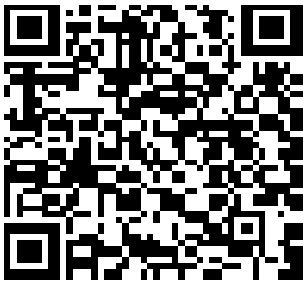
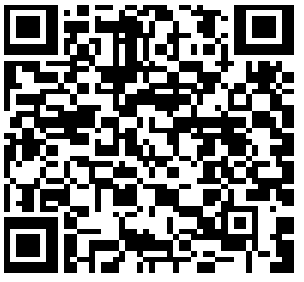
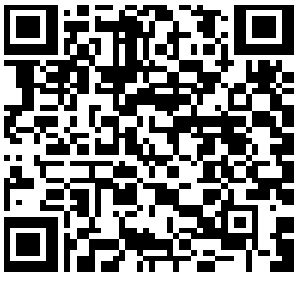
|            |                           |                                                                                                                |                              |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 21         | 1.009452                  | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa                                                         | 10 ngày                      | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 22         | 1.009453                  | Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính | 05 ngày                      | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 23         | 1.009454                  | Công bố hoạt động bến thủy nội địa                                                                             | 05 ngày                      | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 24         | 1.009455                  | Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính                     | 05 ngày                      | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 25         | 1.003658                  | Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa                                                                         | 05 ngày                      | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Đường bộ</b> |                                                                                                                |                              |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 26         | 1.013274                  | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác                                                 | 01 ngày(đám tang)<br>05 ngày | Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 27         | 1.000314                  | Chấp thuận đầu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác                                             | 07 ngày                      | Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

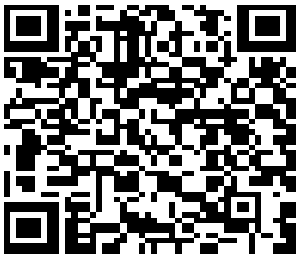
|           |                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-----------|-------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 28        | 1.013061                            | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 07 ngày | Quyết định số 901/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 29        | 2.001921                            | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ | 07 ngày | Quyết định số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 30        | 1.009444                            | Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 05 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 31        | 1.009447                            | Công bố đóng cảng, bến thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 05 ngày | Quyết định số 870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực: Nhà ở</b>              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 32        | 1.012888                            | Công nhận Ban quản trị nhà chung cư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 07 ngày | Quyết định số 903/QĐ-BXD ngày 24/6/2025 của Bộ Xây dựng;<br>Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực: Hoạt động xây dựng</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |

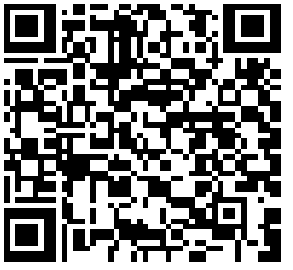
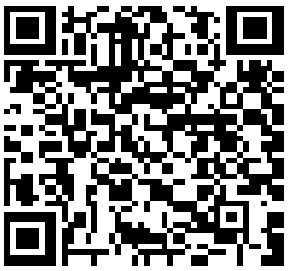
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                      |                                                                                                                                                             |                                                                                       |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 33 | 1.013228 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | 05 ngày              | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 34 | 1.013227 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | 05 ngày              | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 35 | 1.013226 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ            | 20 ngày hoặc 15 ngày | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 36 | 1.013232 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ                         | 20 ngày hoặc 15 ngày | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

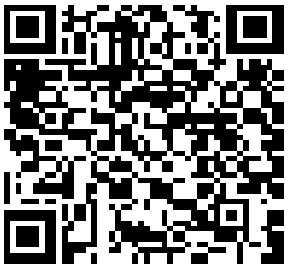
|          |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                                                                                                                                                             |                                                                                       |
|----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 37       | 1.013229                                 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | 20 ngày hoặc 15 ngày | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 38       | 1.013225                                 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ               | 20 ngày hoặc 15 ngày | Quyết định số 864/QĐ-BXD ngày 19 tháng 06 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>E</b> | <b>NGÀNH NỘI VỤ: 25 TT</b>               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                                                                                                                                                             |                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                                                                                                                                                             |                                                                                       |
| 1        | 1.013702                                 | Công nhân ban vận động thành lập hội                                                                                                                                                                                                                                                                             | 30 ngày              | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang              |  |
| 2        | 1.013703                                 | Thành lập hội                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 60 ngày              | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang              |  |
| 3        | 1.013704                                 | Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội                                                                                                                                                                                                                                  | 45 ngày              | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang              |  |

|   |          |                                                                                                                                                               |            |                                                                                                                                                |                                                                                       |
|---|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | 1.013706 | Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.                                                                                    | 60 ngày    | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 5 | 1.013707 | Chia, tách; sát nhập; hợp nhất hộ                                                                                                                             | 60 ngày    | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 6 | 1.013708 | Hội tự giải thể.                                                                                                                                              | 45 ngày    | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 7 | 1.013709 | Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn                                                                                                | 30 ngày    | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 8 | 1.013710 | Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe | 10-20 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 9 | 1.013711 | Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                                                                                              | 60 ngày    | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|                                   |          |                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                                |                                                                                       |
|-----------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 10                                | 1.013712 | Công nhân quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhân thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhân thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 11                                | 1.013713 | Công nhân điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ                                                                                          | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 12                                | 1.013714 | Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ                                                                                           | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 13                                | 1.013715 | Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động                                                                               | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 14                                | 1.013716 | Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ                                                                                                             | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 15                                | 1.013717 | Quỹ tự giải thể                                                                                                                                | 60 ngày | Quyết định số 627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>II Lĩnh vực: Người có công</b> |          |                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                                |                                                                                       |

|            |                                              |                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                  |                                                                                       |
|------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 16         | 1.010833                                     | Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công                                                                                                                                              | 5 ngày  | - Quyết định số 320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025 của Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |    |
| 17         | 1.013750                                     | Thăm viếng mộ liệt sĩ.                                                                                                                                                                     | 5 ngày  | Quyết định số 639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |    |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Quản lý lao động ngoài nước</b> |                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                  |                                                                                       |
| 18         | 1.013734                                     | Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết                                                                                                                                               | 5 ngày  | Quyết định số 640/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |   |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực: Việc làm</b>                    |                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                  |                                                                                       |
| 19         | 1.013724                                     | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động                                                                                | 15 ngày | Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |  |
| 20         | 1.013725                                     | Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh                                                                    | 15 ngày | Quyết định số 636/QĐ-BNV ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang   |  |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực: Chính sách</b>                  |                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                  |                                                                                       |
| 21         | 1.012537                                     | Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ | 3 ngày  | Quyết định số 4768/QĐ-BCA ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|     |                                   |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |
|-----|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 22  | 1.012538                          | Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ                                                           | 5 ngày  | Quyết định số 4768/QĐ-BCA ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |    |
| VI  | Lĩnh vực: Tổ chức, cán bộ         |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 23  | 1.012533                          | Tuyển chọn tổ viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự                                                                                                                                                                                          | 15 ngày | Quyết định số 4768/QĐ-BCA ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |    |
| VII | Lĩnh vực: Đăng ký, quản lý cư trú |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 24  | 1.013313                          | Xác nhận nơi thường xuyên đầu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở                                                                                                                                                               | 2 ngày  | Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 25  | 1.013314                          | Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới | 2 ngày  | Quyết định số 370/QĐ-BCA-C06 ngày 16/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| F   | NGÀNH TƯ PHÁP: 64 TT              |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| I   | Lĩnh vực: Hoà giải cơ sở          |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |
| 1   | 2.000424                          | Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải                                                                                                    | 7 ngày  | Quyết định số 1845/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang               |  |
| II  | Lĩnh vực: Hộ tịch                 |                                                                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                      |                                                                                       |

|   |          |                                                                          |         |                                                                                                                                                  |                                                                                       |
|---|----------|--------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | 2.000528 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                   | 15 giờ  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 3 | 2.000806 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                     | 5 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |    |
| 4 | 1.001766 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                     | 3 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |   |
| 5 | 2.000779 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                           | 10 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |
| 6 | 1.001695 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 10 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |
| 7 | 1.001669 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                     | 5 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |  |

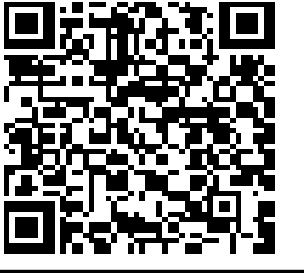
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                 |                   |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | 2.000756 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                   | 2 ngày            | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 9  | 2.000748 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                            | 15 giờ đến 6 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 10 | 2.002189 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                                               | 5-8 ngày          | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 11 | 2.000554 | Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                               | 5-8 ngày          | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 12 | 2.000547 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) | 15 giờ đến 3 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 13 | 2.000522 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      | 5 -25 ngày        | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                                                               |            |                                                                                                                                                    |                                                                                       |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | 1.000893 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 5 -25 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |    |
| 15 | 2.000513 | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                      | 5 -25 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |    |
| 16 | 2.000497 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                      | 5 -10 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |   |
| 17 | 3.000323 | Đăng ký giám sát việc giám hộ                                                 | 3-5 ngày   | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |  |
| 18 | 3.000322 | Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ                                        | 3-5 ngày   | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang             |  |
| 19 | 1.001193 | Đăng ký khai sinh                                                             | 15 giờ     | - Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                             |                    |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|----|----------|---------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | 1.000894 | Đăng ký kết hôn                             | 15 giờ -<br>5 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 21 | 1.001022 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con                   | 3-8 ngày           | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 22 | 1.000689 | Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con | 3-8 ngày           | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 23 | 1.000656 | Đăng ký khai tử                             | 15 giờ             | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 24 | 1.003583 | Đăng ký khai sinh lưu động                  | 5 ngày             | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 25 | 1.000593 | Đăng ký kết hôn lưu động                    | 5 ngày             | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

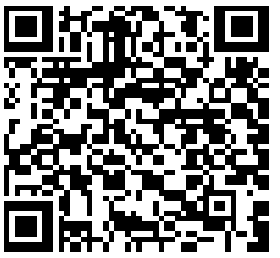
|    |          |                                                                      |           |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 26 | 1.000419 | Đăng ký khai tử lưu động                                             | 5 ngày    | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 27 | 1.000110 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới         | 13 giờ    | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 28 | 1.000094 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới           | 3-5 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 29 | 1.000080 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | 7-12 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 30 | 1.004827 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới           | giờ -3 ng | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 31 | 1.004837 | Đăng ký giám hộ                                                      | 3 ngày    | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|    |          |                                                          |           |                                                                                                                                                 |                                                                                       |
|----|----------|----------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | 1.004845 | Đăng ký chấm dứt giám hộ                                 | 2 ngày    | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |    |
| 33 | 1.004859 | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch                     | giờ -6 ng | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |    |
| 34 | 1.004873 | Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân                    | 3-23 ngày | Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 35 | 1.004884 | Đăng ký lại khai sinh                                    | 5-25 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |  |
| 36 | 1.004772 | Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 5-25 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp...                                                                                      |  |
| 37 | 1.004746 | Đăng ký lại kết hôn                                      | 5-25 ngày | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |  |

|            |                                 |                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 38         | 1.005461                        | Đăng ký lại khai tử                                                                                                                                     | 5-10 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 39         | 2.000986                        | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi                                    | 1 ngày     | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Chứng thực</b>     |                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 40         | 2.000992                        | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                | 1 ngày     | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 41         | 2.001008                        | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                     | 1 ngày     | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>IV</b>  | <b>Lĩnh vực: Nuôi con nuôi</b>  |                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 42         | 2.002363                        | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                         | 5 giờ-3 ng | Quyết định số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 43         | 2.002349                        | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi | 10 ngày    | Quyết định số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>V</b>   | <b>Lĩnh vực: Hoà giải cơ sở</b> |                                                                                                                                                         |            |                                                                                                                                        |                                                                                       |

|            |                                |                                           |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|------------|--------------------------------|-------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 44         | 1.002211                       | Công nhận hòa giải viên                   | 5 ngày  | Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |    |
| 45         | 2.000950                       | Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải           | 5 ngày  | Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |    |
| 46         | 2.000930                       | Thôi làm hòa giải viên                    | 5 ngày  | Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |   |
| 47         | 2.002080                       | Thanh toán thù lao cho hòa giải viên      | 5 ngày  | Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang     |  |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực: Nuôi con nuôi</b> |                                           |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 48         | 2.001263                       | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước     | 37 ngày | Quyết định số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 49         | 2.001255                       | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | 5 ngày  | Quyết định số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|             |                                      |                                                                                                               |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|-------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 50          | 1.003005                             | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | 45 ngày | Quyết định số 1848/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>VIII</b> | <b>Lĩnh vực: Chứng thực</b>          |                                                                                                               |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 51          | 2.001035                             | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                    | 2 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 52          | 2.001019                             | Chứng thực di chúc                                                                                            | 2 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 53          | 2.001016                             | Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản                                                                        | 2 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 54          | 2.001406                             | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                | 2 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 55          | 2.001009                             | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở                           | 2 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>IX</b>   | <b>Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước</b> |                                                                                                               |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |

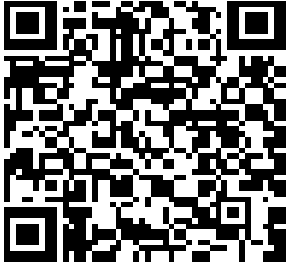
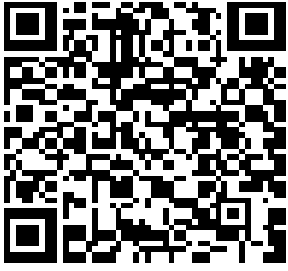
|                                                                             |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 56                                                                          | 2.002165                    | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.                                                                                                                                                                          | 90 ngày | Quyết định số 1837/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>ÁP DỤNG CHUNG (tại cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử) (8</b> |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| <b>I</b>                                                                    | <b>Lĩnh vực: Hộ tịch</b>    |                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 1                                                                           | 2.000635                    | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                                                                                                              | 1 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 2                                                                           | 2.002516                    | Xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                                                                                                                                                                                 | 3 ngày  | Quyết định số 1833/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| <b>II</b>                                                                   | <b>Lĩnh vực: Chứng thực</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                            |         |                                                                                                                                        |                                                                                       |
| 3                                                                           | 2.000908                    | Cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                                                                                                                      | 1 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 4                                                                           | 2.000815                    | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | 1 ngày  | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

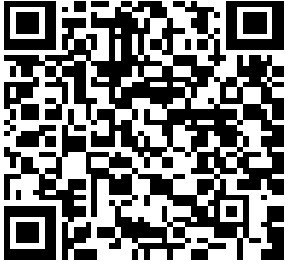
|            |                                       |                                                                                                                                                                   |                                               |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
|------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 5          | 2.000884                              | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được) | 1 ngày                                        | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                          |    |
| 6          | 2.000913                              | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                      | 1 ngày                                        | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                          |    |
| 7          | 2.000927                              | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                         | 1 ngày                                        | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                          |    |
| 8          | 2.000942                              | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                     | 1 ngày                                        | Quyết định số 1857/QĐ-BTP ngày 23/6/2025 của Bộ Tư pháp; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                          |   |
| <b>G</b>   | <b>NGÀNH THANH TRA: 8 TT</b>          |                                                                                                                                                                   |                                               |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực: Giải quyết khiếu nại</b> |                                                                                                                                                                   |                                               |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
| 1          | 2.002409                              | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã                                                                                                                           | 30 ngày;<br>vụ việc<br>phục<br>tập 60<br>ngày | - Quyết định số 424/QĐ-TTTP ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ. - Quyết định số 587/QĐ-TTTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ |  |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực: Giải quyết tố cáo</b>    |                                                                                                                                                                   |                                               |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
| 2          | 2.002396                              | Giải quyết tố cáo tại cấp xã                                                                                                                                      | 30 ngày                                       | - Quyết định số 700/QĐ-TTTP ngày 09/10/2019 của Tổng Thanh tra Chính phủ. - Quyết định số 587/QĐ-TTTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ          |  |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Tiếp công dân</b>        |                                                                                                                                                                   |                                               |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |

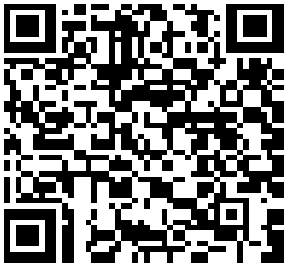
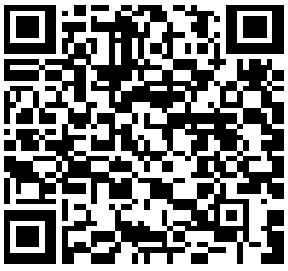
|           |                                          |                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 3         | 1.010945                                 | Tiếp công dân tại cấp xã                                         | 10 ngày   | - Quyết định số 193/QĐ-TTCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                        |     |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực: Xử lý đơn thư</b>           |                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 4         | 2.002501                                 | Xử lý đơn tại cấp xã                                             | 10 ngày   | - Quyết định số 194/QĐ-TTCT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                        |    |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực: Phòng, chống tham nhũng</b> |                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 5         | 2.002400                                 | Kê khai tài sản, thu nhập                                        | 12 tháng  | - Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                                   |    |
| 6         | 2.002401                                 | Xác minh tài sản, thu nhập                                       | 115 ngày  | - Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                                   |   |
| 7         | 2.002402                                 | Tiếp nhận yêu cầu giải trình                                     | 5 ngày    | - Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                                   |  |
| 8         | 2.002403                                 | Thực hiện việc giải trình                                        | 15 ngày   | - Quyết định số 70/QĐ-TTCT ngày 08/3/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ.                                                                   |  |
| <b>H</b>  | <b>NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO: 43 TT</b>  |                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực: Giáo dục mầm non</b>        |                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 1         | 1.012971                                 | Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập | 5-15 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|   |          |                                                                                              |         |                                                                                                                                                                 |                                                                                       |
|---|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | 1.012972 | Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại                                    | 7 ngày  | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                       |    |
| 3 | 1.012973 | Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập                                          | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                       |    |
| 4 | 1.012974 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | 10 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                       |    |
| 5 | 1.012975 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học          | 10 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                       |  |
| 6 | 2.002770 | Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo                     | 7 ngày  | - Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 7 | 2.002771 | Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo                                 | 5 ngày  | - Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

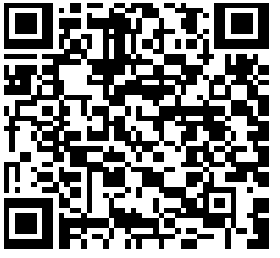
|           |                                    |                                                                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-----------|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 8         | 1.012961                           | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                             | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ GD&ĐT.                                                                               |    |
| 9         | 1.006390                           | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                   | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 10        | 1.006444                           | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                           | 7 ngày  | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 11        | 1.006445                           | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                          | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 12        | 1.012962                           | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường) | 10 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực: Giáo dục tiểu học</b> |                                                                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 13        | 1.012963                           | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học                                                      | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|                                     |          |                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 14                                  | 2.001842 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                        | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 15                                  | 1.004552 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                | 7 ngày  | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 16                                  | 1.004563 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                               | 25 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 17                                  | 1.001639 | Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)                                                      | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>Lĩnh vực: Giáo dục trung học</b> |          |                                                                                                                                    |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 18                                  | 1.012964 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở | 25 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 19                                  | 1.012965 | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục       | 25 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

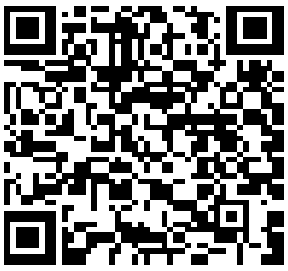
|            |                                        |                                                                                                                                                                |                  |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|------------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 20         | 1.012966                               | Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại                           | 7 ngày           | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 21         | 1.012967                               | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở                                          | 25 ngày          | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 22         | 1.012968                               | Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) | 20 ngày          | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 23         | 2.002481                               | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở                                                                                                                 | không quy định   | - Quyết định số 1693/QĐ-BGDĐT ngày 25/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 24         | 3.000182                               | Tuyển sinh trung học cơ sở                                                                                                                                     | Theo KH hàng năm | - Quyết định số 1693/QĐ-BGDĐT ngày 25/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực: Giáo dục thường xuyên</b> |                                                                                                                                                                |                  |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 25         | 1.012969                               | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                  | 15 ngày          | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|           |                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 26        | 1.012970                                                              | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                                                                                                                                                                           | 7 ngày    | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 27        | 3.000307                                                              | Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                                                                                                                                                                 | 20 ngày   | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 28        | 3.000308                                                              | Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)                                                                                                                                                                                                     | 10 ngày   | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực: Các cơ sở giáo dục khác</b>                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 29        | 3.000309                                                              | Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở | 5-20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 30        | 1.012975                                                              | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học                                                                                                                                                                                                              | 10 ngày   | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |           |                                                                                                                                           |                                                                                       |

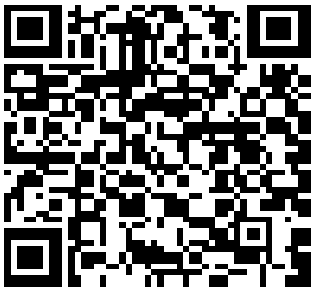
|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                   |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | 1.008724 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                                                    | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 32 | 1.008725 | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 20 ngày | - Quyết định số 1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 33 | 1.001622 | Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo                                                                                                                                                                                                            | 24 ngày | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ GD&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 34 | 1.008950 | Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp                                                                                                                                                      | 24 ngày | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 35 | 1.008951 | Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp                                                                                                                                | 17 ngày | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 36 | 1.002407 | Xét, cấp học bổng chính sách                                                                                                                                                                                                                      | 1 ngày  | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

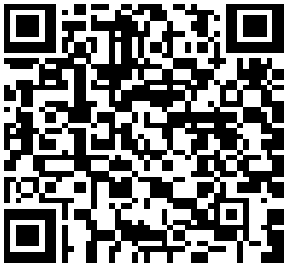
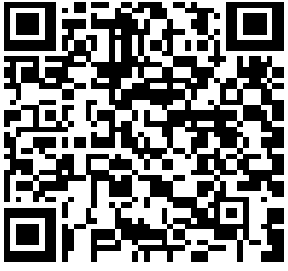
|            |                                       |                                                                                                                                                                                                   |                |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 37         | 1.005099                              | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học                                                                                                                                                           | 10 ngày        | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 38         | 2.002482                              | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước                                                                                                                                               | không quy định | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 39         | 2.002483                              | Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài                                                                                                                                               | không quy định | - Quyết định số 1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| <b>VI</b>  | <b>Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp</b> |                                                                                                                                                                                                   |                |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 40         | 2.001960                              | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài | 3 ngày         | - Quyết định số 1674/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 41         | 2.002284                              | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc cấp xã                           | 3 ngày         | - Quyết định số 1674/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025 của Bộ GD&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ</b>  |                                                                                                                                                                                                   |                |                                                                                                                                           |                                                                                       |

|          |                                         |                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
|----------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 42       | 3.000467                                | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã) | 1 ngày  | - Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 43       | 3.000468                                | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)    | 2 ngày  | - Quyết định số 1672/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025 của Bộ Gd&ĐT; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>I</b> | <b>NGÀNH DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO: 13 TT</b> |                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Tín ngưỡng tôn giáo</b>    |                                                        |         |                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 1        | 1.012592                                | Đăng ký hoạt động tín ngưỡng                           | 15 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                         |   |
| 2        | 1.012591                                | Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng                   | 15 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                         |  |
| 3        | 1.012590                                | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                   | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                         |  |

|    |                                   |                                                                                                                                                                         |         |                                                                                                                   |                                                                                       |
|----|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | 1.012585                          | Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung                                                                                                   | 15 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 5  | 1.012584                          | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã                                                                                             | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 6  | 1.012582                          | Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác                                                                                              | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 7  | 1.013796                          | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã | 25 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 8  | 1.0138                            | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã                                                           | 25 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 9  |                                   | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã                                              |         | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |                                                                                       |
| II | <b>Lĩnh vực: Công tác dân tộc</b> |                                                                                                                                                                         |         |                                                                                                                   |                                                                                       |

|          |                                                  |                                                                       |         |                                                                                                                   |                                                                                       |
|----------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 10       | 1.012222                                         | Công nhận người có uy tín                                             | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 11       | 1.012223                                         | Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín            | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 12       | 1.012590                                         | Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung                                  | 20 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |   |
| 13       | 1.012585                                         | Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | 15 ngày | - Quyết định số 364/QĐ- BDTTG ngày 24/06/2025; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 10/7/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>K</b> | <b>NGÀNH VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: 09 TT</b> |                                                                       |         |                                                                                                                   |                                                                                       |
| <b>I</b> | <b>Lĩnh vực: Văn hoá</b>                         |                                                                       |         |                                                                                                                   |                                                                                       |

|                              |          |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
|------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                            | 1.003622 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã                                                                                                                   | 15 ngày | - Quyết định số 1768/QĐ-BVHTTDL ngày 12/6/2025 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 28/12/2022 của Bộ VHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 2                            | 1.013791 | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã                                                                                                              | 15 ngày | - Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                        |   |
| <b>II Lĩnh vực: Gia đình</b> |          |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
| 3                            | 1.012084 | Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) | 12 giờ  | Quyết định số 3657/QĐ- BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ VHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                                                                                    |  |

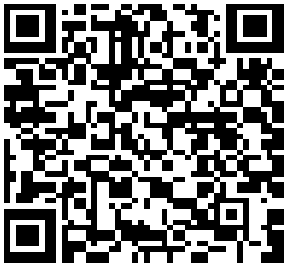
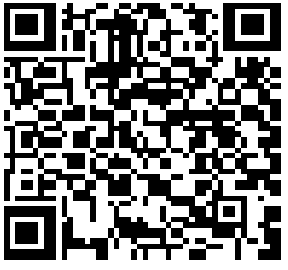
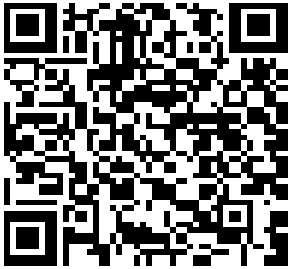
|                                                                 |          |                                                                                                          |         |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 4                                                               | 1.012085 | Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị                                                          | 12 giờ  | - Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023 C16 Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở của Bộ VHTTDL của Bộ Văn hoá; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>III Lĩnh vực: Thể dục, thể thao</b>                          |          |                                                                                                          |         |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                       |
| 5                                                               | 2.000794 | Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở                                                                      | 7 ngày  | - Quyết định số 3684/QĐ- BVHTTDL ngày 28/12/2022 của Bộ VHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                   |    |
| <b>IV Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b> |          |                                                                                                          |         |                                                                                                                                                                                                     |                                                                                       |
| 6                                                               | 1.013792 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng              | 15 ngày | Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                           |  |
| 7                                                               | 1.013793 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 5 ngày  | Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                           |  |

|           |                                         |                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                            |                                                                                       |
|-----------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 8         | 1.013794                                | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                 | 5 ngày     | Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |    |
| 9         | 1.013795                                | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                 | 5 ngày     | Quyết định số 2069/QĐ- BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>L</b>  | <b>NGÀNH Y TẾ</b>                       |                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                            |                                                                                       |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>         |                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                            |                                                                                       |
| 1         | 2.000286                                | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện | 10-15 ngày | -Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                   |  |
| 2         | 2.000282                                | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội                                               | 10 ngày    | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                  |  |
| 3         | 2.000477                                | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội                                                                  | 7 ngày     | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                  |  |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em</b> |                                                                                                                 |            |                                                                                                                                                                            |                                                                                       |

|                                     |          |                                                                                                                                                                                                                                           |                |                                                                                                                                                           |                                                                                     |
|-------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 4                                   | 1.004946 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em                                                                                                                   | 12 giờ         | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 5                                   | 1.004944 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em                                                                                                                                                                                                | 5 ngày         | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| <b>III Lĩnh vực: Tài chính y tế</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                           |                |                                                                                                                                                           |                                                                                     |
| 6                                   | 1.003048 | Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế lần đầu                                                                                                                                                                                    | không quy định | - Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |                                                                                     |
| 7                                   | 2.001252 | Ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế hằng năm                                                                                                                                                                                   | không quy định | - Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |                                                                                     |
| 8                                   | 1.003034 | Ký Hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế đối với Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt bổ sung chức năng, nhiệm vụ, phạm vi chuyên môn, cấp chuyên môn kỹ thuật trong việc thực hiện khám bệnh, chữa bệnh | không quy định | - Quyết định số 160/QĐ-BYT ngày 10/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang           |                                                                                     |
| 9                                   | 1.002995 | Thanh toán chi phí Khám bệnh, chữa bệnh một số trường hợp giữa cơ sở Khám bệnh, chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội                                                                                                                      | không quy định | - Quyết định số 4524/QĐ-BYT ngày 14/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |                                                                                     |

|           |                                             |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                           |                                                                                       |
|-----------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>IV</b> | <b>Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội</b> |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 10        | 2.001661                                    | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân                                                                                       | 9 ngày  | - Quyết định số 2179/QĐ-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>V</b>  | <b>Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em</b>     |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 11        | 2.001088                                    | Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số                                                                                 | 10 ngày | - Quyết định 792/QĐ-BYT ngày 04/3/2019 của Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang                         |    |
| <b>VI</b> | <b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>             |                                                                                                                                                           |         |                                                                                                                                                           |                                                                                       |
| 1         | 1.001699                                    | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                  | 25 ngày | - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |   |
| 2         | 1.001653                                    | Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật                                                                                                                 | 5 ngày  | - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |  |
| 3         | 2.000355                                    | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn                                                                   | 10 ngày | - Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang  |  |
| 4         | 1.013821                                    | Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn | 10 ngày | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|            |                                             |                                                                                                              |         |                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
|------------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 5          | 1.013822                                    | Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn     | 5 ngày  | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |    |
| 6          | 1.001776                                    | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | 10 ngày | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |    |
| 7          | 1.001731                                    | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội                                                         | 3 ngày  | - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |   |
| <b>VII</b> | <b>Lĩnh vực: Phòng, chống tệ nạn xã hội</b> |                                                                                                              |         |                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
| 8          | 1.010941                                    | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện                                                                          | 3 ngày  | - Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |
| 9          | 1.010938                                    | Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng   | 10 ngày | - Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |  |

|                         |          |                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
|-------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 10                      | 1.010939 | Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng                                                             | 10 ngày | - Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| 11                      | 1.010940 | Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng | 10 ngày | - Quyết định số 470/QĐ-LĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ Lao động -Thương binh và Xã hội; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang |    |
| <b>Lĩnh vực: Trẻ em</b> |          |                                                                                                                                                               |         |                                                                                                                                                                    |                                                                                       |
| 12                      | 2.001947 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt                    | 7 ngày  | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |   |
| 13                      | 1.004941 | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em           | 15 ngày | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |  |
| 14                      | 2.001944 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em                    | 15 ngày | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |  |
| 15                      | 2.001942 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế                                              | 25 ngày | - Quyết định số 2082/QĐ-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; Quyết định số: 162/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang          |  |





















































